

THÔNG BÁO
Báo cáo quyết toán kinh phí, năm học 2023 - 2024

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)	365.738.000	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
1.2	Mức thu		
1.3	Tổng số thu trong năm	365.738.000	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	365.738.000	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	365.738.000	
1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Bổ sung chi lương		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	42.700.000	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn, chi khác	120.546.000	
1.7	Số dư cuối năm tại thời điểm 30/6/2024	202.492.000	
2	Dạy thêm học thêm	1.729.849.563	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	398.165	
2.1.2	Mức thu kì 1 :270.000/tháng, kì 2 8.500/tiết x số tiết HS ĐK		
2.1.3	Tổng số thu trong năm (gồm cả lãi TG 303.398)	1.729.451.398	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.729.451.398	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	1.729.148.000	
2.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp, công tác chỉ đạo, quản lý	1.469.779.300	
	Chi khấu hao cơ sở vật chất (gồm cả phí CT 528.813)	44.428.813	
	- Chi phúc lợi	65.200.000	
2.1.7	Số dư cuối năm tại thời điểm 30/6/2024	150.441.450	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)		
3.1			
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
3.1.2	Tổng số thu trong năm		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
3.1.5	Số chi trong năm		

	Trong đó: -		
	-		
	-		
3.1.6	Số dư cuối năm		
4	Gửi xe học sinh	113.522.500	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	6.182.500	
4.1.2	Mức thu 25000/xe đạp, 40.000/xe điện	107.340.000	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	107.340.000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	107.340.000	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	107.340.000	
4.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	85.872.000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	11.734.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	9.894.000	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
4.1.7	Số dư cuối năm	6.022.500	
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học		
5.1			
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
5.1.2	Mức thu		
5.1.3	Tổng số thu trong năm		
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
5.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
5.1.7	Số dư cuối năm		
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đội, đồng phục, sách vở, sổ LLĐT, nước uống		
6.1	BHYT		
6.1.1	Số học sinh : 592 HS 12T + 1 HS 10T		
6.1.2	Mức thu: 680.400 đ/hs/năm		
6.1.3	Tổng thu	403.363.800	
6.1.4	Đã chi	403.363.800	
6.1.5	Dư	0	
6.2	Quỹ Đội		
6.2.1	Số học sinh		

6.2.2	Mức thu:		
6.2.3	Tổng thu		
6.2.4	Đã chi		
6.2.5	Dư		
6.3	Đồng phục		
6.3.1	Số học sinh		
6.3.2	Mức thu		
6.3.3	Tổng thu	349.534.000	
6.3.4	Đã chi	349.534.000	
6.3.5	Dư		
6.4	Sách giáo khoa, sách bài tập		
6.4.1	Số học sinh		
6.4.2	Mức thu		
6.4.3	Tổng thu		
6.4.4	Đã chi		
6.4.5	Dư		
6.5	Vở viết học sinh		
6.5.1	Số học sinh		
6.5.2	Mức thu: 7.300đ/quyển * Số lượng ĐK thực tế		
6.5.3	Tổng thu	67.532.300	
6.5.4	Đã chi	67.532.300	
6.5.5	Dư		
6.6	Sổ liên lạc điện tử		
6.6.1	Số học sinh		
6.6.2	Mức thu: không thu		
6.6.3	Tổng thu		
6.6.4	Đã chi		
6.6.5	Dư		
6.7	Nước uống		
6.7.1	Số học sinh	612	
6.7.2	Mức thu: 90.000đ/năm		
6.7.3	Tổng thu	55.050.000	
6.7.4	Đã chi	55.050.000	
6.7.5	Dư	0	
6.8	Ôn thi vào 10		
6.8.1	Số học sinh		
6.8.2	Mức thu: 8.500 đ/ tiết		
6.8.3	Tổng thu	220.704.000	
6.8.4	Đã chi	187.598.200	
6.8.5	Dư tại thời điểm 30/6/2024	33.105.800	
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH 6T ĐẦU NĂM		



1	Ngân sách nhà nước	6.056.000.000	
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	6.056.000.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	- Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	6.056.000.000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	6.056.000.000	
	- Kinh phí quyết toán	3.246.274.500	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	2.809.725.500	
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	11.600.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	Dự toán được giao trong năm	11.600.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm	11.600.000	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	11.600.000	
	- Kinh phí quyết toán	11.600.000	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
III	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: chi tiết theo từng nguồn)		
1	Học phí		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
2	Học thêm		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		

•	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3			
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
III	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	171.919.200	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	171.444.000	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	170.968.800	
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	166.872.000	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	108.567.600	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	50.263.200	
IV	MỨC CHI CHO HỌC SINH		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)(19% chi TX / Tổng số HS)	1.767.496	
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	254.789	

Dương Quan, ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Thanh

Nguyễn Thị Kim Thanh



Phạm Hồng Hải